

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình quản lý sử dụng tài sản công năm 2025

VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY XÃ QUỪ NHẤT

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 hiệu lực thi hành ngày 01/7/2018;

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế; Văn phòng Đảng ủy xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025 thuộc thẩm quyền quản lý sử dụng của Văn phòng Đảng ủy xã Quỳ Nhất tỉnh Ninh Bình (theo các biểu mẫu công khai đính kèm theo quy định).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Đảng ủy xã, Trưởng các phòng, đơn vị và công chức, lao động hợp đồng thuộc Văn phòng Đảng ủy xã Quỳ Nhất tỉnh Ninh Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Đảng ủy,
- HĐND, UBND xã,
- Phòng Kinh tế xã,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.



Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND xã Quý Nhất

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Văn phòng Đảng ủy xã Quý Nhất

Mã đơn vị: 1155613

Loại hình đơn vị: Khối các tổ chức

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC

Năm 2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		9	130.090	130.090		107.202							
1	Máy tính để bàn	Văn phòng Đảng ủy xã Quý Nhất	1	10.500	10.500		8.400							x
2	Máy tính để bàn dùng mạng nội bộ xử lý VB mật	Văn phòng Đảng ủy xã Quý Nhất	1	15.650	15.650		15.650							x
3	Máy tính để bàn số 01	Văn phòng Đảng ủy xã Quý Nhất	1	17.500	17.500		14.000							x
4	Máy tính xách tay số 1	Văn phòng Đảng ủy xã Quý Nhất	1	18.800	18.800		15.040							x
5	Máy tính xách tay số 2	Văn phòng Đảng ủy xã Quý Nhất	1	13.500	13.500		10.800							x
6	Máy tính xách tay số 3	Văn phòng Đảng ủy xã Quý Nhất	1	12.350	12.350		9.880							x
7	Máy tính xách tay số 4	Văn phòng Đảng ủy xã Quý Nhất	1	19.790	19.790		15.832							x
8	Phần mềm kế toán MISA	Văn phòng Đảng ủy xã Quý Nhất	1	12.000	12.000		9.600							x
9	Phần mềm QLTS	Văn phòng Đảng ủy xã Quý Nhất	1	10.000	10.000		8.000							x

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Ngô Thị Luyên

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



**CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM VĂN TUY**

Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Mẫu số 09b-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND xã Quý Nhất

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Văn phòng Đảng ủy xã Quý Nhất

Mã đơn vị: 1155613

Loại hình đơn vị: Khối các tổ chức

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2025

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất trụ sở Đảng ủy - Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc xã Quý Nhất tại Thôn 6- Xã Quý Nhất- Tỉnh Ninh Bình	2.700	5.500.000	2.700																		
2	Nhà làm việc trụ sở Đảng ủy-Mặt trận Tổ Quốc xã Quý Nhất tại Thôn 6- Xã Quý Nhất- Tỉnh Ninh Bình									2007	1.000	5.012.360	1.202.966	1.000								
Tổng cộng:		2.700	5.500.000	2.700							1.000	5.012.360	1.202.966	1.000								

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Ngô Thị Luyên

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



**CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM VĂN TUY**

Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Mẫu số 09a-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND xã Quý Nhất

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Văn phòng Đảng ủy xã Quý Nhất

Mã đơn vị: 1155613

Loại hình đơn vị: Khối các tổ chức

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						96.940						
4	Tài sản cố định khác						96.940						
	Máy tính để bàn	Chiếc	1				10.500						
	Máy tính xách tay số 1	Chiếc	1				18.800						
	Máy tính xách tay số 2	Chiếc	1				13.500						
	Máy tính xách tay số 3	Chiếc	1				12.350						
	Máy tính xách tay số 4	Chiếc	1				19.790						
	Phần mềm kế toán MISA	Phần mềm	1				12.000						
	Phần mềm QLTS		1				10.000						
II	Tài sản giao mới						10.545.510						
1	Đất khuôn viên						5.500.000						
	Đất trụ sở Đảng ủy - Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc xã Quý Nhất		1				5.500.000						
2	Nhà						5.012.360						
	Nhà làm việc trụ sở Đảng ủy- Mặt trận Tổ Quốc xã Quý Nhất	Cái	1				5.012.360						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4	Tài sản cố định khác						33.150						
	Máy tính để bàn dùng mạng nội bộ xử lý VB mật	Chiếc	1				15.650						
	Máy tính để bàn số 01	Chiếc	1				17.500						
	Tổng cộng						10.642.450						

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

VL

**Ngô Thị
Luyên**

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



**CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM VĂN TUY**